

Số :0502/VFM.2016

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/*Authorized Participants and Investors*

Công ty QLQ VFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:
VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: **Quỹ ETF VFMVN30/** *Fund name: VFMVN30 ETF*
- Mã ccq/Code: **E1VFN30**
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange Date:* **2/5/2018**
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ *Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares*
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of component securities and cash component:*

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
1	BID	550	1.04%
2	BMP	130	0.63%
3	BVH	220	0.99%
4	CII	600	1.26%
5	CTD	100	1.04%
6	CTG	1,210	1.90%
7	DHG	150	0.80%
8	DPM	510	0.71%
9	FPT	1,380	4.72%
10	GAS	310	2.10%
11	GMD	520	1.23%
12	HPG	2,960	10.13%
13	HSG	680	0.98%
14	KDC	400	1.00%
15	MBB	3,240	5.63%
16	MSN	1,360	6.93%
17	MWG	670	4.75%
18	NT2	280	0.52%
19	NVL	610	2.79%
20	PLX	380	1.87%
21	REE	600	1.44%
22	ROS	380	3.45%
23	SAB	310	4.29%
24	SBT	1,090	1.27%
25	SSI	1,040	2.05%
26	STB	5,280	4.81%
27	VCB	1,170	4.42%
28	VIC	1,990	9.72%
29	VJC	730	7.96%
30	VNM	810	9.39%

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND)

1,781,389,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,784,709,703
- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 3,320,703
- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:
- + Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component
- + Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại
Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason
BVH	88,330	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4.a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period 2/5/2018	Kỳ trước/Last period 2/2/2018	Chênh lệch/ Changes
Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	95	49	46
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding Shares	294,400,000	284,900,000	9,500,000
Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	16,910	17,900	-990
Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	4,997,187,168,735	4,944,527,162,162	52,660,006,573
của một lô ETF/per Creation Unit	1,784,709,703	1,778,606,893	6,102,810
của một chứng chỉ quỹ/per Share	17,847.09	17,786.06	61.03
Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	1,110.59	1,170.01	-59.42

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VFM/Fund Management Company VFM

